

Câu 52: Thủy phân 17,8 gam tristearin $(C_{17}H_{35}COO)_3C_3H_5$ bằng 350 ml dung dịch KOH 0,2M thu được glycerol và dung dịch Y. Cô cạn Y thu được m gam chất rắn. Giá trị của m là

- A. 19,88. B. 19,32. C. 18,76. D. 7,00.

Câu 53: Este nào sau đây thủy phân cho hỗn hợp 2 chất hữu cơ đều tham gia phản ứng tráng bạc ?

- A. $CH_3COOCH=CH_2$. B. $HCOOCH=CH-CH_3$. C. $HCOOCH_2CH=CH_2$. D. $CH_3COOC_2H_5$.

Câu 54: Đốt cháy hoàn toàn 13,2 gam một este đơn chức X thu được 13,44 lit khí CO_2 (đktc) và 10,8 gam nước. Công thức phân tử của X là

- A. $C_2H_4O_2$ B. $C_5H_8O_2$ C. $C_4H_8O_2$ D. $C_3H_6O_2$

Câu 55: Amin nào sau đây là amin bậc hai ?

- A. $(CH_3)_3N$. B. CH_3NH_2 . C. $CH_3-NH-CH_3$. D. $C_6H_5NH_2$.

Câu 56: Lên men a (g) glucosơ, cho toàn bộ lượng CO_2 sinh ra hấp thụ vào dung dịch nước vôi trong tạo thành 7,5 g kết tủa. Khối lượng dung dịch sau phản ứng so với dung dịch nước vôi trong ban đầu giảm 2,55 g. Biết hiệu suất của quá trình lên men là 90%, giá trị của a là

- A. 22,5. B. 11,25. C. 10,125. D. 9,1125.

Câu 57: Số đồng phân amin bậc một, chứa vòng benzen, có cùng công thức phân tử C_7H_9N là

- A. 3. B. 2. C. 5. D. 4.

Câu 58: Công thức phân tử và công thức cấu tạo của xenlulozơ lần lượt là

- A. $(C_6H_{12}O_6)_n$, $[C_6H_7O_2(OH)_3]_n$. B. $(C_6H_{10}O_5)_n$, $[C_6H_7O_2(OH)_2]_n$.
C. $[C_6H_7O_2(OH)_3]_n$, $(C_6H_{10}O_5)_n$. D. $(C_6H_{10}O_5)_n$, $[C_6H_7O_2(OH)_3]_n$.

Câu 59: Tính khối lượng xenlulozotrinat tạo ra khi cho 24,3 gam xenlulozơ tác dụng HNO_3 dư.

- A. 43,5 g. B. 44,55 g. C. 45,45g D. 51,3 g.

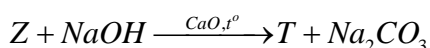
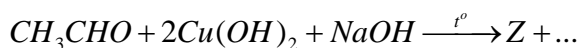
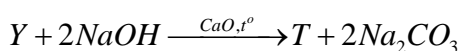
Câu 60: Xà phòng hoá hoàn toàn 26,4 gam hỗn hợp 2 este là etyl axetat và metyl propionat bằng lượng vừa đủ V (ml) dung dịch NaOH 0,5M. Giá trị V là

- A. 600 ml. B. 500 ml. C. 400 ml. D. 200 ml.

Câu 61: Đốt cháy hoàn toàn 0,495 mol hỗn hợp X gồm metyl propionat, metyl axetat và 2 hidrocarbon mạch hở cần vừa đủ 1,905 mol O_2 , tạo ra 21,6 gam H_2O . Nếu cho 0,5775 mol X vào dung dịch Br_2 dư thì số mol Br_2 phản ứng tối đa là

- A. 0,70 B. 0,60 C. 0,40 D. 1.2.

Câu 62: Cho các phản ứng:



Công thức phân tử của X là

- A. $C_{12}H_{20}O_6$. B. $C_{11}H_{12}O_4$. C. $C_{11}H_{10}O_4$. D. $C_{12}H_{14}O_4$

Câu 63: Trong số các hợp chất hữu cơ có công thức $C_4H_8O_2$, số hợp chất đơn chức mạch hở tác dụng được với dung dịch NaOH không tác dụng với Na là

- A. 4 B. 5 C. 6 D. 2

Câu 64: Tripanmitin có công thức là

- A. $(C_{15}H_{29}COO)_3C_3H_5$. B. $(C_{17}H_{33}COO)_3C_3H_5$.
C. $(C_{15}H_{31}COO)_3C_3H_5$ D. $(C_{17}H_{35}COO)_3C_3H_5$.

Câu 65: Este có mùi dứa là

- A. metyl axetat. B. etyl butirát. C. Etyl axetat. D. Isoamyl axetat.

Câu 66: Chất X có công thức: $CH_3COOC_2H_5$. Tên gọi của X là

- A. vinyl propioat. B. vinyl axetat. C. etyl axetat. D. etyl propioat.

Câu 67: Cho 2,5 kg glucosơ chứa 20% tạp chất lên men thành rượu. Tính thể tích rượu 40⁰ thu được, biết rượu nguyên chất có khối lượng riêng 0,8 g/ml và trong quá trình chế biến, rượu bị hao hụt mất 10%.

- A. 2785,0 ml. B. 2300,0 ml. C. 3194,4 ml. D. 2875,0 ml.

ĐÁP ÁN ĐỀ THI THỬ MÔN HÓA

41	B	51	B	61	A	71	B
42	A	52	A	62	C	72	C
43	B	53	B	63	A	73	D
44	D	54	C	64	C	74	C
45	D	55	C	65	B	75	B
46	D	56	B	66	C	76	C
47	A	57	D	67	D	77	C
48	A	58	D	68	D	78	A
49	D	59	B	69	A	79	D
50	B	60	A	70	C	80	A